



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty
(không bao gồm đơn vị trực thuộc) cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Văn phòng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Văn phòng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Duy Chinh	Chủ tịch
	Ông Mai Tiến Dũng	Thành viên
	Ông Phan Văn Hùng	Thành viên
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên
	Ông Trần Đăng Thành	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Đăng Thành	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2005. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 số 0100107772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100107772 ngày 29 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Văn phòng Công ty có trụ sở đăng ký tại số 54 Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

10/1
C
SACH
I
M R

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc), với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) đính kèm cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28 -03- 2017

2042
NG T
HIỆM HỮ
PMO
HIỆM -



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc).

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (không bao gồm đơn vị trực thuộc) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được kiểm toán.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-077-VPCT



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140)	100		102.932.813.102	107.754.229.852
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.490.992.615	10.198.715.432
Tiền	111		5.990.992.615	3.698.715.432
Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	6.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5(a)	461.800.000	461.800.000
Chứng khoán kinh doanh	121		920.200.000	920.200.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(458.400.000)	(458.400.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.850.924.487	97.093.714.420
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.090.272.672	13.796.793.960
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		508.465.000	372.870.586
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	64.092.136.069	67.375.798.359
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.913.846.504	15.152.102.337
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(753.795.758)	(603.850.822)
Hàng tồn kho	140		129.096.000	-
Hàng tồn kho	141		129.096.000	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		89.396.287.597	81.811.416.630
Tài sản cố định	220		18.556.220.950	16.544.364.032
Tài sản cố định hữu hình	221	9	18.447.762.162	16.353.567.567
Nguyên giá	222		27.139.414.932	24.164.102.133
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.691.652.770)	(7.810.534.566)
Tài sản cố định vô hình	227	10	108.458.788	190.796.465
Nguyên giá	228		528.600.000	528.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(420.141.212)	(337.803.535)
Tài sản dở dang dài hạn	240		50.000.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242		50.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	63.100.000.000	63.834.730.000
Đầu tư vào công ty con	251		61.550.000.000	60.784.730.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.550.000.000	3.050.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.690.066.647	1.432.322.598
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.690.066.647	1.432.322.598
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		192.329.100.699	189.565.646.482

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.123.798.095	16.009.979.608
Nợ ngắn hạn	310		14.123.798.095	16.009.979.608
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.847.135.029	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.176.160.000	4.384.934.367
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	691.323.531	2.188.396.222
Phải trả người lao động	314		7.349.816.720	5.894.931.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.741.333.310	896.166.655
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	13	1.035.710.115	1.637.969.174
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	282.319.390	744.927.279
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	17	-	262.654.762
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		178.205.302.604	173.555.666.874
Vốn chủ sở hữu	410	18	178.205.302.604	173.555.666.874
Vốn cổ phần	411	19	104.999.550.000	104.999.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		104.999.550.000	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ	415	20	(3.954.000)	(3.954.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	50.455.687.266	49.595.964.345
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.754.019.338	18.964.106.529
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.754.019.338	18.964.106.529
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		192.329.100.699	189.565.646.482

28 -03- 2017

Người lập:



Mai Thanh Nga
Kế toán

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	67.684.360.430	57.288.594.762
Giá vốn hàng bán	11		20.456.768.820	15.612.416.157
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		47.227.591.610	41.676.178.605
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	16.168.433.926	14.054.539.376
Chi phí tài chính	22	25	196.219.188	(34.385.564)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>177.785.100</i>	<i>24.323.394</i>
Chi phí bán hàng	25		709.142.379	697.588.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	51.717.531.433	45.678.222.740
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.773.132.536	9.389.292.012
Thu nhập khác	31		31.363.636	3.739.684.645
Chi phí khác	32		5.203.554	3.623.549.204
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		26.160.082	116.135.441
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.799.292.618	9.505.427.453
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.795.783.756	5.839.275.649
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		7.003.508.862	3.666.151.804

28 -03- 2017

Người lập:



Mai Thanh Nga
Kế toán

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		10.799.292.618	9.505.427.453
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.678.458.492	1.813.188.489
Các khoản dự phòng	03		149.944.936	137.733.631
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.036.973.505)	(13.015.634.382)
Chi phí lãi vay	06		177.785.100	24.323.394
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.231.492.359)	(1.534.961.415)
Biến động các khoản phải thu	09		26.116.527.336	22.641.134.821
Biến động hàng tồn kho	10		(129.096.000)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.128.454.103)	(1.072.153.103)
Biến động chi phí trả trước	12		(6.462.714.535)	88.766.844
			16.164.770.339	20.122.787.147
Tiền lãi vay đã trả	14		(177.785.100)	(24.323.394)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.314.358.401)	(8.490.703.345)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.821.071.051)	(3.351.995.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.851.555.787	8.255.764.669
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.587.101.609)	(12.402.464.563)
Tiền chi cho vay	23		(1.500.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		2.500.000.000	-
Tiền chi mua cổ phiếu	25		(765.270.000)	(45.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.500.000.000	2.411.476.812
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.268.721.008	13.482.863.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.416.349.399	2.446.876.035

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(20.975.628.003)	(18.899.208.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.975.628.003)	(18.899.208.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(707.722.817)	(8.196.567.296)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		10.198.715.432	18.395.282.728
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	9.490.992.615	10.198.715.432

28 -03- 2017

Người lập:



Mai Thanh Nga
Kế toán

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh số liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, không bao gồm đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Công ty có Văn phòng tại Hà Nội (“Văn phòng Công ty”) và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, 3 công ty con và 2 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh số 5(b).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Văn phòng Công ty là:

- Giám định về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số - khối lượng, bao bì và ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, đá quý và kim loại quý hiếm);
- Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ và thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng;
- Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải và giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa;
- Giám định tổn thất và đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy;
- Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường;
- Kiểm tra phá hủy, không phá hủy;
- Giám định theo yêu cầu của mọi đối tượng để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: Xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường (giám định về vệ sinh công nghiệp; giám định và xử lý nước, nước thải) các dịch vụ phục vụ thông quan;
- Các dịch vụ có liên quan: Khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá hủy; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong - cặp chì; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; tư vấn về chất lượng hàng hoá;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Chứng nhận sản phẩm;
- Kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình; kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (theo quy định của Nhà nước);
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện tự động hóa;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình xây dựng;
- Tư vấn, lắp đặt thiết bị;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, xây lắp, cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Giám sát thi công dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Ủy thác và nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hoá;
- Dịch vụ kê khai thuế hải quan;
- Tư vấn thủ tục cổ phần hóa doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng (không bao gồm phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường); và
- Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự ủy thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Văn phòng Công ty có 49 nhân viên (1/1/2016: 49 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc) này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Văn phòng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	7 – 12 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ Thiết bị và dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 7 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Văn phòng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất trong vòng 15 đến 49 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Văn phòng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các chi nhánh, các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Tiền mặt	153.051.562	352.338.455
Tiền gửi ngân hàng	5.837.941.053	3.346.376.977
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	6.500.000.000
	<hr/>	
	9.490.992.615	10.198.715.432
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2016		1/1/2016		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
		Chưa kiểm toán	Dự phòng giảm giá VND	Chưa kiểm toán	Dự phòng giảm giá VND	
Cổ phiếu VDP	1.920	58.800.000	(*)	1.920	58.800.000	(*)
Cổ phiếu VVFC	31.000	861.400.000	(*)	31.000	861.400.000	(*)
		<u>920.200.000</u>	<u>(458.400.000)</u>		<u>920.200.000</u>	<u>(458.400.000)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016				1/1/2016			
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	100.000	100%	100%	59.000.000.000 (*)	-	59.000.000.000 (*)	
• Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định môi trường Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	153.000	51%	51%	1.530.000.000 (*)	-	1.529.730.000 (*)	
• Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	102.000	51%	51%	1.020.000.000 (*)	-	255.000.000 (*)	
▪ Công ty liên kết								
• Văn phòng công chứng Thăng Long	Hà Nội, Việt Nam		45%	40%	61.550.000.000	-	60.784.730.000	
• Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	500.000.000 (*)	-	500.000.000 (*)	
• Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	105.000	35%	35%	1.050.000.000 (*)	-	1.050.000.000 (*)	
					<u>1.550.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.050.000.000</u>	
					<u>63.100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>63.834.730.000</u>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Các bên liên quan		
Công ty con		
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	202.824.000	466.778.748
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh	523.941.309	796.394.819
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	236.356.037	227.053.685
Các bên thứ ba		
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	4.660.845.000	5.399.155.000
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.700.542.475	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	2.103.823.327	4.120.094.905
Các khách hàng khác	3.661.940.524	2.787.316.803
	14.090.272.672	13.796.793.960

Khoản phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Phải thu vốn góp từ chi nhánh		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	24.000.000.000	24.000.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội	14.900.000.000	15.500.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	7.100.000.000	6.500.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	12.000.000.000	12.000.000.000
Chi nhánh		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hồ Chí Minh	-	1.244.507.407
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	2.169.206.494	4.466.496.052
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội	2.247.451.525	3.456.994.469
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	1.675.478.050	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	-	207.800.431
	64.092.136.069	67.375.798.359

Khoản phải thu từ các chi nhánh và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi có nhu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Phải thu về lợi nhuận được chia từ		
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh	10.020.554.654	9.252.302.157
Tạm ứng cho nhân viên	1.027.233.604	251.230.000
Ký cược, ký quỹ	3.609.328.246	5.609.328.246
Phải thu khác	256.730.000	39.241.934
	14.913.846.504	15.152.102.337

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị và dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm - chưa kiểm toán	9.121.560.184	11.980.925.458	2.722.939.720	338.676.771	24.164.102.133
Tăng trong năm	-	371.600.000	4.165.501.609	-	4.537.101.609
Thanh lý	-	-	(686.629.091)	-	(686.629.091)
Điều chuyển tài sản về một chi nhánh	-	-	(875.159.719)	-	(875.159.719)
Số dư cuối năm	9.121.560.184	12.352.525.458	5.326.652.519	338.676.771	27.139.414.932
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm - chưa kiểm toán	3.148.574.488	2.493.787.754	1.888.739.226	279.433.098	7.810.534.566
Khấu hao trong năm	483.917.628	1.402.893.016	480.186.222	24.153.463	2.391.150.329
Thanh lý	-	-	(686.629.091)	-	(686.629.091)
Điều chuyển tài sản về một chi nhánh	-	-	(823.403.034)	-	(823.403.034)
Số dư cuối năm	3.632.492.116	3.896.680.770	858.893.323	303.586.561	8.691.652.770
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm - chưa kiểm toán	5.972.985.696	9.487.137.704	834.200.494	59.243.673	16.353.567.567
Số dư cuối năm	5.489.068.068	8.455.844.688	4.467.759.196	35.090.210	18.447.762.162

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 1.667 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 2.300 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm - chưa kiểm toán và cuối năm	528.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm - chưa kiểm toán	337.803.535
Khấu hao trong năm	82.337.677
Số dư cuối năm	420.141.212
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm - chưa kiểm toán	190.796.465
Số dư cuối năm	108.458.788

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 350 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 350 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm - chưa kiểm toán	1.340.812.788	91.509.810	1.432.322.598
Tăng trong năm	6.461.345.455	119.871.136	6.581.216.591
Phân bổ trong năm	(204.970.486)	(118.502.056)	(323.472.542)
Số dư cuối năm	7.597.187.757	92.878.890	7.690.066.647

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
 Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH SGS Việt Nam	1.768.729.029	1.768.729.029	-	-
Các nhà cung cấp khác	78.406.000	78.406.000	-	-
	1.847.135.029	1.847.135.029	-	-

13. Phải trả nội bộ ngắn hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	9.600.762	9.600.762	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	1.026.109.353	1.026.109.353	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	-	-	1.637.969.174	1.637.969.174
	1.035.710.115	1.035.710.115	1.637.969.174	1.637.969.174

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
 Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Khấu trừ VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
	Chưa kiểm toán				
Thuế giá trị gia tăng	1.209.013.494	5.518.939.387	(4.613.882.304)	(1.900.595.938)	213.474.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp	957.789.340	3.795.783.756	-	(4.314.358.401)	439.214.695
Thuế thu nhập cá nhân	21.593.388	755.669.697	-	(738.628.888)	38.634.197
Thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	2.188.396.222	10.073.392.840	(4.613.882.304)	(6.956.583.227)	691.323.531

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Trích trước tiền thuê văn phòng	1.546.333.310	773.166.655
Các khoản trích trước khác	195.000.000	123.000.000
	1.741.333.310	896.166.655

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Cổ tức phải trả	34.126.012	10.634.015
Trích trước thuế thu nhập cá nhân phải trả	231.229.304	232.804.316
Phải trả khác	16.964.074	501.488.948
	282.319.390	744.927.279

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các tập thể và cá nhân trong và ngoài Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Số dư đầu năm	262.654.762	-
Trích lập trong năm	3.558.416.289	3.614.650.501
Sử dụng trong năm	(3.821.071.051)	(3.351.995.739)
	-	262.654.762

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - chưa kiểm toán	104.999.550.000	(3.954.000)	46.962.196.840	18.244.962.068	170.202.754.908
Lợi nhuận thuần trong năm - chưa kiểm toán	-	-	-	3.666.151.804	3.666.151.804
Lợi nhuận chuyển về từ các chi nhánh - chưa kiểm toán	-	-	-	22.200.618.663	22.200.618.663
Phân bổ vào các quỹ - chưa kiểm toán	-	-	2.633.767.505	(2.633.767.505)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi - chưa kiểm toán	-	-	-	(3.614.650.501)	(3.614.650.501)
Cổ tức (Thuyết minh 20) - chưa kiểm toán	-	-	-	(18.899.208.000)	(18.899.208.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 - chưa kiểm toán	104.999.550.000	(3.954.000)	49.595.964.345	18.964.106.529	173.555.666.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.003.508.862	7.003.508.862
Lợi nhuận chuyển về từ các chi nhánh	-	-	-	22.203.663.157	22.203.663.157
Phân bổ vào các quỹ	-	-	859.722.921	(859.722.921)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.558.416.289)	(3.558.416.289)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(20.999.120.000)	(20.999.120.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	104.999.550.000	(3.954.000)	50.455.687.266	22.754.019.338	178.205.302.604

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Văn phòng Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu Chưa kiểm toán	VND Chưa kiểm toán
Vốn cổ phần được duyệt	10.499.955	104.999.550.000	10.499.955	104.999.550.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	10.499.955	104.999.550.000	10.499.955	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(395)	(3.954.000)	(395)	(3.954.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	10.499.560	104.995.596.000	10.499.560	104.995.596.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20. Cổ tức

Ngày 26 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 13.649 triệu VND (ngày 15 tháng 4 năm 2015: 11.550 triệu VND). Ngày 24 tháng 8 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền trị giá 7.350 triệu VND (ngày 28 tháng 8 năm 2015: 7.350 triệu VND).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
			Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán
USD	6.137	139.395.822	12.699	285.086.489

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Chưa kiểm toán
Phải thu ngắn hạn khách hàng	1.164.280.792	904.280.792

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Lãi tiền gửi	665.353.506	577.170.159
Cổ tức được chia và lợi nhuận chuyển về	15.371.619.999	12.905.693.627
Lãi chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	-	156.319.800
Lãi chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO Vinacontrol	105.000.000	-
Thu nhập từ bán chứng khoán	-	2.030.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	26.460.421	413.325.790
	16.168.433.926	14.054.539.376

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Lãi tiền vay	177.785.100	24.323.394
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(60.745.972)
Chi phí tài chính khác	18.434.088	2.037.014
	<hr/> 196.219.188	<hr/> (34.385.564) <hr/>

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí nhân viên	13.607.455.556	13.977.136.969
Chi phí văn phòng phẩm	422.759.166	648.805.223
Trích lập dự phòng nợ xấu	409.944.936	1.080.710.395
Chi phí khấu hao	1.169.074.336	797.586.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.330.220.275	6.983.876.727
Chi phí khác	28.778.077.164	22.190.106.869
	<hr/> 51.717.531.433	<hr/> 45.678.222.740 <hr/>

27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí kinh doanh	1.093.553.505	1.385.257.087
Chi phí nhân viên	29.328.117.581	23.986.242.416
Chi phí khấu hao	2.678.458.492	1.813.188.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.075.585.868	14.235.306.828
Chi phí khác	27.707.727.186	20.568.232.870
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.795.783.756	4.234.477.404
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.604.798.245
	<u>3.795.783.756</u>	<u>5.839.275.649</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.799.292.618	9.505.427.453
Thuế tính theo thuế suất của Văn phòng Công ty	2.159.858.524	2.091.194.040
Thu nhập từ cổ tức không phải chịu thuế	(3.074.324.000)	(2.839.252.598)
Thuế của chi nhánh chuyển về	4.620.095.916	4.884.136.106
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.604.798.245
Biến động khác	90.153.316	98.399.856
	<u>3.795.783.756</u>	<u>5.839.275.649</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Văn phòng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND Chưa kiểm toán
Chi nhánh		
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng</i>		
Phí quản lý	2.867.603.237	2.865.788.379
Doanh thu cung cấp dịch vụ	285.504.709	196.959.055
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội</i>		
Phí quản lý	4.070.986.331	3.668.520.222
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.549.711.727	669.829.925
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng</i>		
Phí quản lý	3.632.879.384	3.588.412.267
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.238.805.364	613.933.334
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh</i>		
Phí quản lý	2.937.641.395	3.006.573.759
Doanh thu cung cấp dịch vụ	184.339.819	254.500.578
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol</i>		
Góp vốn	255.000.000	-
Thu hồi vốn	254.730.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.500.000	86.709.115
Cổ tức được chia	255.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol</i>		
Góp vốn	-	45.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.406.919.727	613.758.013
Cổ tức được chia	1.377.000.000	253.243.004
<i>Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.243.276.445	1.073.398.271
Phí tư vấn	15.657.933.088	14.250.682.004
Cổ tức được chia	13.488.981.814	12.512.745.634

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Văn phòng Công ty (không bao gồm đơn vị trực thuộc)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
		Chưa kiểm toán
Công ty liên kết		
<i>Văn phòng Công chứng Thăng Long</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	422.996.837	390.140.483
Cổ tức được chia	186.151.185	74.658.089
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol		
Góp vốn	-	1.050.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	389.642.953	104.906.129
Trả cổ tức	39.375.000	834.048.903
Cổ đông lớn		
<i>Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước</i>		
Trả cổ tức	6.300.000.000	5.670.000.000
<i>Quỹ đầu tư Barca Global Master Fund</i>		
Trả cổ tức	2.210.665.100	1.989.599.400
<i>Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt</i>		
Trả cổ tức	2.197.400.000	-
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.571.612.455	2.296.628.980
Thù lao	516.000.000	516.000.000

28-03-2017

Người lập:



Mai Thanh Nga
Kế toán

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
VINACONTROL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- * * * -----

Số: 120 /TGD - TC

Hà nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

V/v. Giải trình số liệu thay đổi
trong báo cáo tài chính của Trụ
sở chính năm 2016 trước và sau
kiểm toán.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

- Mã chứng khoán: VNC

- Địa chỉ trụ sở chính: 54 Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà
Trung, Hà Nội.

- Điện thoại: 04.39435638/04.38226020

- Fax: 04.39433844

- Người thực hiện công bố thông tin: Phan Văn Hùng.

2. Thực hiện quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công
ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol xin được giải trình thay đổi số liệu giữa báo cáo tài chính
Trụ sở chính năm 2016 trước và sau kiểm toán như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 4-3
I	Bảng cân đối kế toán			
1	Tiền	5.839.888.967	5.990.992.615	151.103.648
2	Phải thu nội bộ ngắn hạn	6.040.379.384	64.092.136.069	58.051.756.685
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	661.102.801	691.323.531	30.220.730
4	Phải trả nội bộ ngắn hạn	9.600.762	1.035.710.115	1.026.109.353
5	Vốn cổ phần	47.973.902.668	104.999.550.000	57.025.647.332
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.633.136.420	22.754.019.338	120.882.918
7	LNST chưa phân phối kỳ này	22.633.136.420	22.754.019.338	120.882.918
II	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
1	Doanh thu hoạt động tài chính	16.017.330.278	16.168.433.926	151.103.648
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.648.188.970	10.799.292.618	151.103.648
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-856.133.237	3.795.783.756	4.651.916.993
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.504.322.207	7.003.508.862	-4.500.813.345

Lý do:

* Do đơn vị hạch toán bổ sung khoản lãi tiền gửi tại ngân hàng số tiền 151.103.648 đồng,
nên làm cho các chỉ tiêu sau thay đổi, cụ thể:

- Tiền tăng 151.103.648 đồng
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 30.220.730 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 120.882.918 đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 151.103.648 đồng

* Do khôi phục lại vốn của các đơn vị trực thuộc về Trụ sở chính số tiền 58.000.000.000 đồng, phải thu về nội bộ số tiền 51.756.685 đồng đã điều chuyển vốn từ Văn phòng sang chi nhánh Hà Nội - là giá trị còn lại của 1 xe ô tô và phải trả nội bộ số tiền 1.026.109.353 đồng đã điều chuyển vốn từ chi nhánh Đà Nẵng về Trụ sở chính - là giá trị của công trình xây dựng trụ sở Văn phòng Dung Quất làm cho các chỉ tiêu sau thay đổi, cụ thể:

- Phải thu nội bộ ngắn hạn tăng 58.051.756.685 đồng
- Phải trả nội bộ ngắn hạn tăng 1.026.109.353 đồng
- Vốn cổ phần tăng 57.025.647.332 đồng

* Do khôi phục chi phí thuế TNDN hiện hành của Trụ sở chính bằng toàn Công ty là 3.795.783.756 đồng, nên trên báo cáo Trụ sở chính điều chỉnh tăng 4.651.916.993 đồng, lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 151.103.648 đồng dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 4.500.813.345 đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo)
- Lưu TC, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Văn Hùng

